

Bản án số: 23/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 29/01/2026

“V/v ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Bảnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thanh Nguyên

Bà Nguyễn Ngọc Duyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 215/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2025 về "ly hôn, nuôi con chung".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Minh K**, sinh năm 1988

Địa chỉ: ấp H, xã Đ, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Chị **Lê Thị Q**, sinh năm 1984

Địa chỉ: ấp H, xã Đ, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Nguyễn Minh K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2005 anh và chị Q sống chung với nhau trên cơ sở tự nguyện, do không có thời gian và hiểu biết nên không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh chị sống chung được thời gian ngắn thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng không hòa hợp nhau về suy nghĩ, tính cách, thường hay cãi nhau, có hàn găng nhiều lần nhưng không có kết quả.

Khoảng 3 năm nay anh chị không còn sống chung với nhau, không còn quan tâm gì đến nhau. Xét thấy tình cảm không còn, không thể tiếp tục sống chung và xây dựng gia đình nên anh xin ly hôn để mỗi người có cuộc sống riêng. Do anh chị không có đăng ký kết hôn nên anh yêu cầu Tòa án không công nhận anh chị là vợ chồng.

Về con chung: có 02 người con chung là Nguyễn Thị Thúy V, sinh ngày 15/4/2011 và Nguyễn Thị Thảo V1, sinh ngày 09/7/2021, đang sống với chị Q. Các con đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tốt, Thúy V có nguyện vọng sống với chị Q. Khi ly hôn anh để chị Q tiếp tục nuôi dưỡng 02 người con, anh không cấp dưỡng nuôi con. Sau này nếu con có nguyện vọng sống với anh thì anh cũng có thể nuôi con.

Về nợ chung: Anh và chị Q không có nợ chung, không phát sinh tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Anh xác định không phát sinh tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* Bị đơn chị Lê Thị Q trình bày: Chị thống nhất với lời trình bày của anh K về hôn nhân, con chung, nợ chung, tài sản chung. Chị và anh K sống chung được thời gian ngắn thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng không hòa hợp nhau về suy nghĩ, tính cách, thường hay cãi nhau. Gia đình hai bên có khuyên nhủ, chị đã cố gắng nhẫn nhịn nhiều năm nhưng không có kết quả. Năm 2022 chị và anh K không còn sống chung đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau. Xét thấy tình cảm không còn, không thể tiếp tục sống chung và xây dựng gia đình nên chị đồng ý với yêu cầu của anh K, không công nhận anh chị là vợ chồng để mỗi người có cuộc sống riêng.

Về con chung: Anh chị có 02 người con chung là Nguyễn Thị Thúy V, sinh ngày 15/4/2011 và Nguyễn Thị Thảo V1, sinh ngày 09/7/2021, đang sống với chị, Thúy V có nguyện vọng sống với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về nợ chung: Chị và anh K không có nợ chung, không phát sinh tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh K tự thỏa thuận, không phát sinh tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - An Giang có ý kiến về việc

tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Về hướng giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, không công nhận anh K và chị Q là vợ chồng; giao con chung cho chị Q tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân, anh K và chị Q tự tìm hiểu, sau đó có tổ chức đám cưới theo phong tục, chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 2005 nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xét thấy, mặc dù đủ điều kiện kết hôn theo quy định nhưng anh chị không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Anh K cho rằng anh chị sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh chị không hòa hợp nhau, suy nghĩ khác nhau và thường hay cự cãi. Từ năm 2022 đến nay, anh chị không còn sống chung, không còn quan tâm gì đến nhau. Còn chị Q cũng xác định quá trình chung sống anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, chị đã cố gắng nhẫn nhịn nhiều năm nhưng không có kết quả, hiện nay tình cảm không còn, không thể tiếp tục sống chung và xây dựng gia đình nên chị đồng ý với yêu cầu của anh K. Theo biên bản xác minh tại ấp H thể hiện anh chị có mâu thuẫn, đã ly thân. Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình chung sống với nhau anh K và chị Q có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Từ khi nộp đơn khởi kiện ly hôn đến nay anh chị không có ý định hàn gắn, cùng yêu cầu Tòa án không công nhận anh chị là vợ chồng. Xét thấy, anh K và chị Q chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh K và chị Q.

[3] Về con chung: Anh chị xác định có 02 người con chung là Nguyễn Thị Thúy V, sinh ngày 15/4/2011 và Nguyễn Thị Thảo V1, sinh ngày 09/7/2021, đang sống với chị Q. Khi ly hôn, anh K để chị Q tiếp tục nuôi dưỡng 02 người

con. Xét thấy, chị Q có đủ điều kiện nuôi con, đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng và lợi ích của con nên Hội đồng xét xử chấp nhận để chị Q được tiếp tục nuôi dưỡng con. Anh K có quyền, nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật, không ai được quyền cản trở. Trường hợp chị Q vi phạm nghĩa vụ nuôi con hoặc không còn đủ điều kiện nuôi con thì anh K có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng, không ai yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[4] Về nợ chung: Anh chị xác định không có nợ chung, không phát sinh tranh chấp, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không phát sinh tranh chấp, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí, nguyên đơn anh K phải chịu án phí ly hôn theo quy định là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 9, Điều 14, Điều 16, Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Minh K và chị Lê Thị Q.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Thị Thúy V, sinh ngày 15/4/2011 và Nguyễn Thị Thảo V1, sinh ngày 09/7/2021 cho chị Q được trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh K có quyền, nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật, không ai được quyền cản trở. Trường hợp chị Q vi phạm nghĩa vụ nuôi con hoặc không còn đủ điều kiện nuôi con thì anh K có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về cấp dưỡng, không ai yêu cầu nên Tòa án không xem xét..

3. Về nợ chung: Anh chị xác định không có nợ chung, không phát sinh tranh chấp, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không phát sinh tranh chấp, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm: Anh K phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo lai thu số 0010321 ngày 27/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 7;
- Phòng THADS khu vực 7;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Văn Bảnh